

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ĐÔ HẢI PHÒNG - BQP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ĐÔ HẢI PHÒNG - BQP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BQP - DONG DO HAI PHONG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DD-BQPHP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0201582132

3. Ngày thành lập: 10/11/2014

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Bạch Đằng (tại nhà bà Phạm Thị Hảo), Xã Gia Đức, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
2.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
3.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
4.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự	4312
5.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
6.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động có kỹ năng chuyên môn khoa học và công nghệ trong lĩnh vực xây dựng	7490
7.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm)	4610
9.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
10.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610

11.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
14.	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: Sản xuất thiết bị camera và thiết bị phát thanh khác (trừ thiết bị thu phát sóng)	2630
15.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô, xe máy và xe đạp	4659
17.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp	4330
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Hệ thống báo cháy, chữa cháy, hệ thống chống trộm, camera quan sát; Lắp đặt trạm biến áp đến 35 KV; Hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
19.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
20.	Bán buôn thực phẩm	4632
21.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công phòng chống mối, một công trình xây dựng; Các công việc dưới bề mặt; xây dựng bể bơi ngoài trời	4390
22.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
23.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
24.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
25.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
26.	Xây dựng công trình công ích	4220
27.	Phá dỡ	4311
28.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
30.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
31.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp; công trình cửa; xây dựng đường hầm; Đập và đê	4290

33.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
34.	Cho thuê xe có động cơ	7710
35.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
36.	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ: làm nguyên liệu giấy, làm ván ép	0210
37.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
38.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình (bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu); Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi; Vệ sinh bể bơi; Vệ sinh máy móc công nghiệp; Vệ sinh đường xá	8129
39.	Chuyển phát (Trừ dịch vụ chuyển tiền)	5320
40.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
43.	Bốc xếp hàng hóa	5224
44.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
45.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
46.	Đại lý du lịch	7911
47.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: Chế biến khoáng sản	0990
49.	Xây dựng nhà các loại	4100
50.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Trừ hóa chất Nhà nước cấm)	2011
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
52.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
53.	Quảng cáo	7310
54.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
55.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
56.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
57.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230

58.	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: Tẩy hoặc nhuộm vải dệt, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo	1313
59.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
60.	Lập trình máy vi tính	6201
61.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
62.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
63.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
64.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
65.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
66.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
67.	Bán mô tô, xe máy	4541
68.	Thu gom rác thải độc hại	3812
69.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
70.	Sản xuất than cốc	1910
71.	Khai thác quặng sắt	0710
72.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
73.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
74.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn cao su, sản xuất keo dán từ cao su	4669
75.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
76.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
77.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
78.	Điều hành tua du lịch	7912
79.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
80.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
81.	Khai thác và thu gom than non	0520(Chính)
82.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
83.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
84.	Bưu chính (Không bao gồm sản xuất tem bưu chính)	5310
85.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
86.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
87.	Khai thác dầu thô	0610

88.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
89.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
90.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Trồng cây, chăm sóc và duy trì công viên và vườn	8130
91.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác	4641
92.	Khai thác gỗ	0221
93.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
94.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
95.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
96.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
97.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim	4663

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Vốn pháp định: 0 VNĐ

9. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐÔNG ĐÔ- BQP	Tổ 57, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	464.000	4.640.000.000	58	0100406846	
			Tổng số	464.000	4.640.000.000	58		
2	NGUYỄN THỊ THANH	Tổ 58 K7, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	256.000	2.560.000.000	32	100644622	
			Tổng số	256.000	2.560.000.000	32		

3	PHẠM GIA THỌ	Số 79, ngõ Lương	Cổ phần	80.000	800.000.000	10	011898482	
		Sử C, phố Quốc	phổ					
		Tử Giám, Phường	thông					
		Văn Chương,	Tổng số	80.000	800.000.000	10		
		Quận Đống Đa,						
		Thành phố Hà						
		Nội, Việt Nam						

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 03/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 100644622

Ngày cấp: 24/01/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Tổ 58 K7, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Tổ 58 K7, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hải Phòng